

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Thông qua mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 374/TTr-STC ngày 29/11/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước theo quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.
- Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai được Nhà nước cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất,

điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

**Điều 3.** Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá như sau:

| STT | Nội dung   | Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất |
|-----|--|-------------------------------------|
| 1   | Khu vực thành phố (trừ quy định tại mục 6,7,8)   | 1,3                                 |
| 2   | Khu vực thị xã (trừ quy định tại mục 6,7,8)  | 1,2                                 |
| 3   | Khu vực các thị trấn; khu vực các đường giao thông Quốc lộ (trừ quy định tại mục 1,2,6,7,8)  | 1,2                                 |
| 4   | Khu vực các đường giao thông Tỉnh lộ (trừ quy định tại mục 1,2,6,7,8)  | 1,1                                 |
| 5   | Khu vực còn lại (trừ quy định tại mục 1,2,3,4,6,7,8)   | 1,0                                 |
| 6   | Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản   | 1,0                                 |
| 7   | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp   |                                     |
| 7.1 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước                    | 1,0                                 |
| 7.2 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thu tiền đầu tư hạ tầng của các đối tượng thuê đất               | 0,5                                 |
| 7.3 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp doanh nghiệp tự đầu tư hạ tầng                                      | 0,5                                 |
| 8   | Đối với các dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư |                                     |
| 8.1 | Địa bàn huyện Thanh Liêm, Lý Nhân, Bình Lục  | 0,5                                 |
| 8.2 | Các địa bàn còn lại  | 0,75                                |

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm

Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai được tính như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức

thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

**3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước**

Đối với phần diện tích đất có mặt nước quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 103/2024/NĐ-CP, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 quy định về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hằng năm, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nam. Chi cục trưởng Chi cục thuế các khu vực: Phủ Lý - Kim Bảng; Thanh Liêm - Bình Lục; Duy Tiên - Lý Nhân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nam;
- Cục thuế tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy; Thị ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; thị xã;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; thị xã;
- Báo Hà Nam, Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Hà Nam; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam;
- Lưu VT, KT<sub>(G)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Chức**